|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** |  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ**

(*Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHCN ngày / /2024*

*của Bộ Khoa học và Công nghệ*)

 Triển khai thực hiện Luật Chuyển giao công nghệ, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ (Nghị định số 76/2018/NĐ-CP).

Sau 06 năm thực hiện, Nghị định số 76/2018/NĐ-CP đã đạt được kết quả nhất định tuy nhiên, trong quá trình áp dụng, triển khai đã phát sinh một số bất cập, cần thiết phải được tổng kết, đánh giá và đưa ra các giải pháp đề xuất sửa đổi, bổ sung đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và thực hiện cải cách thủ tục hành chính nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

 **I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

***1. Hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật, chính sách liên quan đến hoạt động CGCN, ứng dụng, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.***

Thực hiện quy định của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP, các Bộ, ngành, địa phương đã xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn về chuyển giao công nghệ (CGCN) góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý để quản lý và triển khai hoạt động CGCN, ứng dụng, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ (KH&CN) nhằm thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các lĩnh vực của hoạt động KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Cụ thể là:

1.1. Bộ KH&CN đã ban hành **05** Thông tư gồm:

- Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 quy định Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP để thực hiện các chính sách: (1) Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu; (2) Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; (3) Mua, nghiên cứu hoàn thiện sáng chế, sáng kiến để chuyển giao cho doanh nghiệp áp dụng, phổ biến cho công chúng; (4) Công bố công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

- Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 về việc hướng dẫn đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất;

- Thông tư số 09/2020/TT-BKHCN ngày 25/12/2020 quy định các biểu mẫu phục vụ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư;

- Thông tư số 21/2023TT-BKHCN ngày 21/11/2023 về định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ CGCN. Thông tư này là cơ cở cho các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN có cơ sở để thực hiện và tính toán phí dịch vụ cho các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp;

- Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhằm phát huy hiệu quả việc sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

1.2. Đối với hoạt động tìm kiếm CGCN, Bộ KH&CN đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 26/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đồng thời, Bộ KH&CN đã ban hành Quyết định số 168/QĐ-BKHCN ngày 17/02/2023 phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Tìm kiếm và CGCN nước ngoài đến năm 2030” nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, đặc biệt là công nghệ trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên phục vụ nhu cầu phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ mới góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, tính cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa trên thị trường.

1.3. Bên cạnh đó, một số Bộ, ngành cũng đã ban hành những quy định nhằm hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến hoạt động CGCN phù hợp với đặc thù của mình. Cụ thể:

- Bộ Công an đã ban hành Quyết định số 1542/QĐ-BCA ngày 12/3/2021 ban hành Chương trình của Bộ Công an về định hướng thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài phục vụ công tác công an giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng "Đề án Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 trong xây dựng sản phẩm chủ lực của ngành văn hóa, thể thao và du lịch" thực hiện theo Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03/9/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đề án đã được xây dựng và hoàn thiện trên cơ sở 03 Danh mục công nghệ khuyến khích, hạn chế, cấm chuyển giao quy định tại các Phụ lục I, II, III của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. Qua đó, Đề án đã lồng ghép các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ của cuộc CMCN lần thứ tư trong xây dựng sản phẩm chủ lực của ngành văn hóa, thể thao và du lịch trong triển khai các chương trình, nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Ủy ban Dân tộc cũng đã trình Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều văn bản, đã viện dẫn đến Luật CGCN như:

(1) Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

(2) Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ 2021 đến 2025;

(3) Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

(4) Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1.4. Đối với địa phương, hầu hết các địa phương đã ban hành văn bản quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ CGCN, ứng dụng, đổi mới công nghệ:

(1) Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh;

(2) Quy định nội dung và mức chi thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ và đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ;

(3) Quy định triển khai Chương trình phát triển thị trường KH&CN nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm lợi thế của tỉnh, đổi mới công nghệ, thiết bị, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đồng thời đẩy mạnh các giải pháp ứng dụng rộng rãi những thành tựu khoa học – công nghệ trên địa bàn tỉnh;

(4) Quy định hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

***2. Kết quả thực hiện các quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ CGCN, ứng dụng, đổi mới công nghệ***

*2.1. Về chính sách ưu đãi về thuế theo quy định pháp luật về thuế cho các đối tượng ưu đãi được quy định tại Điều 39 Luật CGCN*

Một số chính sách ưu đãi về thuế đã được triển khai áp dụng trong thực tiễn như: ưu đãi cho hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị (các thiết bị gia công, phân tích mẫu địa chất,…), phụ tùng, vật tư, vật mẫu tại một số đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài Nguyên và Môi trường; hoạt động nhập sách, tạp chí KH&CN, mua quyền truy cập các cơ sở dữ liệu KH&CN phục vụ cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại Bộ KH&CN.

*2.2. Về chính sách cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay để thực hiện CGCN (quy định tại các Điều 8, 9, 11, 13 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP)*

Tỉnh Bình Thuận đã ban hành Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND quy định Chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị đối với các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm lợi thế của tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016-2020. Giai đoạn 2018-2022, tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi vay cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ là 5.800 triệu đồng/ 32,669 tỷ đồng tổng giá trị đổi mới công nghệ.

Tỉnh Thanh Hóa thực hiện với hoạt động cho vay thông qua Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa, trong 6 năm từ năm 2018 – 2023.

*2.3. Về hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc hỗ trợ trực tiếp để hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận CGCN từ tổ chức khoa học và công nghệ (quy định tại Điều 8 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP)*

Các Bộ ngành đã hỗ trợ kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học cho các doanh nghiệp thuộc Bộ thông qua việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN dưới hình thức đề tài nghiên cứu ứng dụng và dự án sản xuất thử nghiệm. Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận CGCN từ tổ chức KH&CN đã được đưa vào một trong những nhiệm vụ, giải pháp để triển khai Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 theo Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030. Hiện nay đang xây dựng và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn quản lý và tài chính.

Tại địa phương, các tỉnh, thành phố cũng đã bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ thông qua thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đối với nguồn ngân sách của tỉnh hoặc cấp quốc gia đối với nguồn ngân sách trung ương hoặc hỗ trợ trực tiếp đối với doanh nghiệp. Nguồn kinh phí cấp tỉnh hỗ trợ hàng năm theo đặc thù từng tỉnh**[[1]](#footnote-1)**.

*2.4 Về khuyến khích hình thức hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, hoạt động nghiên cứu chung (quy định tại Điều 12 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP)*

- Bộ KH&CN đã thực hiện một số hoạt động khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ như:

*+ Khuyến khích, hỗ trợ đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp:* Thực hiện việc thuê chuyên gia tư vấn trực tiếp tại doanh nghiệp tư vấn giúp doanh nghiệp tiếp cận lựa chọn/công nghệ thiết bị phù hợp với nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng, chuyển giao thương mại hóa kết quả nghiên cứu KH&CN, hỗ trợ xây dựng các vườn ươm công nghệ**[[2]](#footnote-2)**.

+ *Xây dựng cơ sở dữ liệu và kết nối chuyên gia công nghệ:* triển khai xây dựng hệ thống phầm mềm xử lý cơ sở dữ liệu công nghệ để cập nhật dữ liệu công nghệ, gồm: Dữ liệu về nhu cầu đổi mới công nghệ, nhu cầu tư vấn cải tiến kỹ thuật, nhu cầu liên doanh liên kết dựa trên công nghệ...; dữ liệu các công nghệ sẵn sàng chuyển giao trong và ngoài nước; dữ liệu về chuyên gia tư vấn công nghệ; dữ liệu doanh nghiệp sản xuất trong các lĩnh vực.

- Tại địa phương cũng đã thực hiện hoạt động nhằm thúc đẩy nghiên cứu khoa học, ứng dụng và CGCN, như Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ, thiết bị. Việc cải tiến và đổi mới công nghệ, thiết bị giúp doanh nghiệp tiếp cận với kỹ thuật, công nghệ mới, tiếp cận khoa học công nghệ và mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp định hướng và phát triển, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh**[[3]](#footnote-3)**.

- Đối với hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST), thông qua việc triển khai Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025 (Đề án 844), Bộ KH&CN đã xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo rộng khắp trên cả nước với sự đồng hành của các bộ, ban, ngành, các địa phương**[[4]](#footnote-4)**.

*­2.5. Về hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ, tổ chức, cá nhân thực hiện việc giải mã công nghệ (quy định tại Điều 13 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP)*

Bộ Thông tin và Truyền thông đã hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp (Viettel) đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ thông qua đầu tư cho phòng thí nghiệm, thử nghiệm công nghệ.

Hầu hết các kết quả nghiên cứu KH&CN trong lĩnh vực được doanh nghiệp đưa vào sử dụng, chuyển sang sản xuất sản phẩm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp đã xác lập quyền sở hữu cho 598 đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam và 95 đơn đăng ký sáng chế tại Mỹ.

*2.6. Về hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, CGCN địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phù hợp đặc thù của địa phương (quy định tại Điều 14 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP)*

Tại các địa phương đã triển khai hỗ trợ các Trung tâm ứng dụng, CGCN giới thiệu danh mục công nghệ phù hợp với nhu cầu của địa phương, tham gia các hoạt động trình diễn, kết nối cung cầu công nghệ hàng năm**[[5]](#footnote-5)** trao đổi, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm để đưa ra các giải pháp phát triển, thúc đẩy liên kết nghiên cứu, ứng dụng, CGCN.

Tổ chức các Hội thảo thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, ứng dụng, CGCN nâng cao năng lực cạnh tranh quy mô vùng để trao đổi, thảo luận về hoạt động của các Trung tâm trong vùng và đề xuất các giải pháp thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, liên kết ứng dụng, CGCN của các Trung tâm với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học. Các hoạt động dịch vụ tư vấn, ứng dụng, CGCN và nghiên cứu ứng dụng của các Trung tâm ứng dụng, CGCN ở địa phương đã đạt nhiều kết quả**[[6]](#footnote-6)**.

***3. Kết quả thực hiện các quy định về chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ***

***3.1.*** *Về thúc đẩy khai thác, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ý tưởng công nghệ (quy định tại Điều 24 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP)*

Bộ KH&CN đã triển khai xây dựng hệ thống phần mềm xử lý cơ sở dữ liệu công nghệ để cập nhật dữ liệu công nghệ[[7]](#footnote-7). Đồng thời, đã triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về cung - cầu công nghệ/chuyên gia trong nước và nước ngoài. Bên cạnh đó, Bộ KH&CN đã hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và thương mại hoá kết quả nghiên cứu KH&CN, triển khai các dự án hỗ trợ thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ**[[8]](#footnote-8)**.

***3.2.*** *Về phát triển công nghệ tạo ra và hoàn thiện các sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực (quy định tại Điều 27 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP)*

Việc hỗ trợ phát triển công nghệ tạo ra và hoàn thiện các sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực được thực hiện thông qua các nhiệm vụ KH&CN của Trung ương và địa phương và thông qua Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia**.** Từ năm 2017 đến nay Chương trình đã hỗ trợ 27 doanh nghiệp (26/41 nhiệm vụ được triển khai giai đoạn 2017-2020) thực hiện các dự án đổi mới công nghệ, huy động được 905 tỷ đồng để thực hiện các dự án đổi mới công nghệ từ các doanh nghiệp (chiếm 73% tổng kinh phí thực hiện). Thông qua đó hàng trăm quy trình công nghệ, công nghệ mới được doanh nghiệp hấp thụ và làm chủ đã làm thay đổi mô hình tăng trưởng, tăng năng suất trong sản xuất, nâng cao chuỗi giá trị, chế biến sâu của các sản phẩm có thế mạnh của Việt Nam.

***3.3.*** *Về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp (quy định tại Điều 28 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP)*

Hoạt động hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp được thực hiện thông qua Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia. Theo đó, Chương trình đã triển khai thực hiện đào tạo, tập huấn ngắn hạn cho khoảng 500 cán bộ, nhân viên, kỹ thuật viên tại các doanh nghiệp làm chủ được công nghệ trong sản xuất, vận hành trang thiết bị máy móc; tổ chức 03 khóa đào tạo tập chung với 90 học viên được đào tạo về các nội dung như quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, vấn đề thương hiệu và quản trị phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; tổ chức 08 khóa đào tạo trực tiếp trong doanh nghiệp chế biến với 160 lượt học viên tham gia.

***3.4.*** *Về hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (quy định tại Điều 30 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP)*

Bộ KH&CN đã triển khai hỗ trợ hình thành sàn giao dịch công nghệ Vùng Duyên hải Bắc Bộ, kết nối 05 sàn giao dịch trong khu vực gồm Quảng Ninh, Hải phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình để tăng cường theo hướng liên kết các vùng, miền, kết hợp chặt chẽ với các hoạt động của các trung tâm ứng dụng kỹ thuật tiến bộ ở các địa phương và năng lực của các tổ chức trung gian thị trường KH&CN được tăng cường thông qua hoạt động đào tạo cán bộ về kiến thức và kỹ năng môi giới công nghệ, thương mại hoá kết quả nghiên cứu, xây dựng các cơ sở dữ liệu cung-cầu công nghệ, các sàn giao dịch điện tử, nền tảng sở hữu trí tuệ trên mạng Internet[[9]](#footnote-9).

Trong giai đoạn 2018 - 2023, thông qua các Sự kiện Trình diễn, kết nối cung cầu công nghệ, đã lựa chọn và giới thiệu hơn 1600 quy trình, công nghệ, thiết bị, sản phẩm của gần 700 các viện, trường, doanh nghiệp trong nước và quốc tế, tổ chức KH&CN các tỉnh/thành phố, các nhà sáng chế không chuyên; hỗ trợ kết nối hơn 50 hợp đồng hợp tác và CGCN giữa các tổ chức, doanh nghiệp với giá trị ký kết gần 2000 tỷ đồng. Nhiều kết quả hình thành từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp do các viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện đã được thương mại hóa và chuyển giao cho các doanh nghiệp thông qua các dự án thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ với sự tham gia tích, chủ động từ phía các doanh nghiệp.

***3.5.*** *Về hỗ trợ, nâng cao năng lực khai thác thông tin phục vụ tổ chức dịch vụ CGCN (quy định tại Điều 31 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP)*

Để hỗ trợ cung cấp thông tin công nghệ cho doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu, Bộ KH&CN đã xây dựng và vận hành hệ thống điểm kết nối cung – cầu công nghệ. Năm 2023, đã trao đổi, hướng dẫn các Sở KH&CN Bình Phước, Long An, Bắc Giang xây dựng kế hoạch thành lập điểm kết nối cung cầu công nghệ. Đồng thời, tiếp tục vận hành và khai thác 13 Điểm kết nối cung cầu công nghệ phân bố trên 5 vùng, 12 tỉnh thành trên cả nước. Qua đó triển khai có hiệu quả hoạt động kết nối cung cầu công nghệ nói riêng và hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; đưa nhanh ứng dụng tiến bộ KH&CN vào thực tiễn cuộc sống**[[10]](#footnote-10)**.

***4. Kết quả thực hiện quản lý hoạt động CGCN***

Giai đoạn từ 01/7/2018 (ngày Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 có hiệu lực, trong đó quy định các trường hợp phải đăng ký CGCN tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền) đến hết năm 2023, cả nước có 579 thỏa thuận CGCN được cấp Giấy chứng nhận đăng ký (bao gồm cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung CGCN), với giá trị các hợp đồng khoảng trên 114 nghìn tỷ đồng. Trong đó, có 493 hợp đồng CGCN tại doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (chiếm 85% số lượng hợp đồng), với giá trị khoảng trên 106 nghìn tỷ đồng (chiếm khoảng 93% giá trị các hợp đồng), thuộc đổi tượng CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam (bắt buộc phải đăng ký CGCN). Có 2 hợp đồng CGCN từ Việt Nam ra nước ngoài (Nhật Bản, Thuỵ Sỹ).

Các hợp đồng CGCN chủ yếu trong các lĩnh vực sản xuất điện tử, ô tô, xe máy (bao gồm sản xuất linh kiện, phụ tùng), dược phẩm, thiết bị y tế, hóa dầu, mỹ phẩm, đồ uống, sinh học, chăn nuôi, khai thác chế biến khoảng sản, xây dựng. Bên giao công nghệ chủ yếu là các doanh nghiệp đến từ các nước có nền công nghiệp phát triển như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, một số nước Châu Âu (Tây Ban Nha, Hà Lan, Áo, Ukraina, Israrel, Pháp, Bỉ, Đức, Anh, Thuỵ Sỹ, Bungari), một số nước trong khối ASEAN (Thái Lan, Singapore). Riêng Trung Quốc chủ yếu là các hợp đồng CGCN có liên quan đến ô tô, xe máy điện (sản xuất ắc quy, động cơ điện cho xe ô tô điện, xe máy điện).

 **II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

**1. Về thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ CGCN, ứng dụng, đổi mới công nghệ**

Trong **08** nhóm chính sách ưu đãi, hỗ trợ CGCN, ứng dụng, đổi mới công nghệ thì có **02/08** nhóm chính sách không có kết quả báo cáo. Cụ thể:

(1) Hỗ trợ cá nhân thuộc các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học tham gia hoạt động nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh (quy định tại Điều 15 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP). Nguyên nhân do chính sách hỗ trợ không phù hợp thực tiễn hoặc chưa triển khai thực hiện.

(2) Hoàn trả các khoản hỗ trợ, ưu đãi (quy định tại Điều 7 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP). Nguyên nhân do không các trường hợp thuộc diện phải hoàn trả các khoản ưu đãi, hỗ trợ.

Ngoài ra, chính sách ưu đã về thuế, dù có kết quả nhất định, nhưng đa số các đối tượng ưu đãi theo quy định tại Điều 39 Luật Chuyển giao công nghệ chưa có kết quả ưu đãi hỗ trợ gồm:

- Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức, cá nhân đầu tư và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo;

- Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ có thu nhập từ hoạt động cung ứng dịch vụ CGCN;

- Tổ chức, cá nhân CGCN từ Việt Nam ra nước ngoài; tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, CGCN, giải mã công nghệ tại doanh nghiệp;

- Tổ chức, cá nhân CGCN khuyến khích chuyển giao.

Nguyên nhân của tồn tại nêu trên do pháp luật về thuế chưa cập nhật, hoàn thiện chính sách ưu đãi về thuế cho các đối tượng nêu trên hoặc do chính sách ưu đãi thuế (liên quan đến CGCN) không phù hợp.

**2. Về thực hiện chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ**

Trong số **13** nhóm chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ thì có **8/13** nhóm chính sách không có kết quả báo cáo. Cụ thể những chính sách sau: *­*

(1) Giao quyền sở hữu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Nhà nước hỗ trợ kinh phí (quy định tại Điều 16 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP);

(2) Phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tạo ra bằng ngân sách nhà nước (quy định tại Điều 17 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP);

(3) Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (quy định tại Điều 18 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP);

(4) Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư (quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP);

(5) Mua, nghiên cứu hoàn thiện sáng chế, sáng kiến để chuyển giao cho doanh nghiệp áp dụng, phổ biến cho công chúng (quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP);

(6) Thu thập, đánh giá, lựa chọn, công nhận, công bố kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ nhu cầu đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân trong các ngành, nghề, lĩnh vực theo phân cấp quản lý (quy định tại Điều 23 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP);

(7) Ưu tiên trong việc xác lập quyền sở hữu công nghiệp, công nhận, đăng ký lưu hành sản phẩm mới, công nghệ mới (quy định tại Điều 25 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP);

(8) Đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ (quy định tại Điều 29 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP).

Nguyên nhân của tồn tại nêu trên do vướng mắc, bất cập quy định về chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; một số chính sách có nội dung quy định còn chưa được đầy đủ, cụ thể rõ ràng; chưa làm rõ định mức chi, nội dung chi; quy định còn có cách hiểu khác nhau dẫn đến khó triển khai thực hiện hoặc nội dung chính sách còn chưa được quan tâm, chú trọng tổ chức triển khai thực hiện trong thực tiễn.

**3. Về Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp**

Quy định nội dung chi của Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp (Điều 10 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP) còn chưa được đầy đủ, cụ thể dẫn đến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc thực hiện chi từ Quỹ phát triển KH&CN của mình.

**4. Về 03 Danh mục công nghệ khuyến khích, hạn chế và cấm chuyển giao**

03 Danh mục công nghệ khuyến khích, hạn chế và cấm chuyển giao quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP được triển khai áp dụng từ ngày 01/7/2018. Đến nay, sau 6 năm triển khai áp dụng, với bối cảnh Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã thay đổi, tốc độ phát triển và đổi mới công nghệ diễn ra và thay đổi mạnh mẽ trên thế giới làm xuất hiện những loại công nghệ hoàn toàn mới cần xem xét bổ sung vào Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao. Đồng thời, một số công nghệ trở lên lạc hậu, cần xem xét đưa ra khỏi Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao hoặc cần xem xét bổ sung vào Danh mục công nghệ hạn chế, cấm chuyển giao.

Mặt khác, qua quá trình triển khai áp dụng cho thấy 03 Danh mục công nghệ này tại Nghị định còn có những tồn tại như chưa phân theo các nhóm công nghệ tương ứng với từng ngành, lĩnh vực kinh tế; có những công nghệ có tên còn chung chung, chưa được cụ thể dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng,... dẫn đến khó xác định khi triển khai áp dụng các chính sách liên quan. Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung 03 Danh mục công nghệ cho phù hợp với thực tiễn.

**5. Về đăng ký CGCN và quản lý hoạt động CGCN**

Quy định về đối tượng công nghệ chuyển giao, quyền CGCN, hình thức CGCN, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký CGCN trong Luật Chuyển giao công nghệ và trong Nghị định số 76/2018/NĐ-CP vẫn còn những tồn tại, bất cập, dẫn đến tổ chức, cá nhân không xác định được có thuộc trường hợp phải đăng ký CGCN hay không, hoặc có nhiều cách hiểu khác nhau dẫn đến không áp dụng hoặc không thống nhất áp dụng quy định. Bên cạnh đó, cần phải bổ sung một số nội dung đối với quy định về đăng ký CGCN trong Nghị định số 76/2018/NĐ-CP để nâng cao hiệu quả hơn đối với công tác quản lý nhà nước về CGCN. Cụ thể:

(1) Chưa có quy định phải đăng ký CGCN hay không đối với trường hợp thỏa thuận CGCN được các bên ký kết trước ngày Luật Chuyển giao công nghệ có hiệu lực mà sau ngày Luật có hiệu lực, các bên sửa đổi, bổ sung thỏa thuận CGCN mà thỏa thuận này thuộc trường hợp phải đăng ký CGCN theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Chuyển giao công nghệ. Điều này, dẫn đến tổ chức, cá nhân không đăng ký CGCN khi sửa đổi, bổ sung hợp đồng CGCN.

(2) Chưa có hướng dẫn để xác định thời hạn hợp đồng CGCN phải phù hợp với thời hạn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với đối tượng công nghệ chuyển giao. Theo đó, có trường hợp thỏa thuận CGCN vô thời hạn trong khi thời hạn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hoặc thời hạn hoạt động dự án đầu tư là có thời hạn.

(3) Chưa hướng dẫn trường hợp nào phải chứng minh quyền CGCN khi đăng ký CGCN, trong khi trên thực tế có trường hợp chuyển giao đối tượng công nghệ đã được cấp bảo hộ quyền sử hữu trí tuệ hoặc pháp luật doanh nghiệp quy định phải chứng minh quyền sỡ hữu công nghệ khi góp vốn bằng công nghệ.

(4) Chưa quy định rõ thủ tục đăng ký CGCN độc lập với thủ tục đăng ký chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, dẫn đến có địa phương yêu cầu phải đăng ký chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ mới được đăng ký CGCN, theo đó không phù hợp với quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và Luật Sở hữu trí tuệ.

(5) Chưa quy định rõ thế nào là CGCN trong dự án đầu tư, dẫn đến khó khăn trong việc xác định thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký CGCN.

(6) Chưa quy định việc phải thông báo khi thanh lý hoặc kết thúc hợp đồng CGCN, làm cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền có kế hoạch kiểm tra hoạt động CGCN cho phù hợp.

(7) Luật CGCN quy định khi thay đổi nội dung CGCN thì phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng đăng ký sửa đổi, bổ sung CGCN. Tuy nhiên, trong thực tiễn, có nhiều cách hiểu không thống nhất về việc chỉ thay đổi tên, địa chỉ bên giao hoặc bên nhận công nghệ thì có phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng đăng ký sửa đổi, bổ sung CGCN hay không.

(8) Chưa quy định rõ thời hạn tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đăng ký CGCN khi có đề nghị sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký CGCN của cơ quan có thẩm quyền, dẫn đến tình trạng treo hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.

(9) Biểu mẫu báo cáo về tình hình cấp Giấy chứng nhận đăng ký CGCN cần phải được sửa đổi, bổ sung để nắm thông tin về tình hình CGCN tại doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và tình hình chuyển giao các đối tượng công nghệ có bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, phục vụ công tác quản lý nhà nước.

**6. Về quy định thủ tục hành chính**

Một số thủ tục hành chính còn quy định chưa phù hợp về hình thức nộp hồ sơ; quy định chưa rõ ràng về thành phần hồ sơ; chưa phân cấp giải quyết thủ tục hành chính; quy định nguồn kinh phí giải quyết thủ tục hành chính nhưng không quy định rõ nội dung chi và mức chi; biểu mẫu áp dụng còn có những tồn tại, hạn chế cần phải được sửa đổi cho phù hợp khi áp dụng;... Bên cạnh đó, các quy định thủ tục hành chính còn cần phải được nghiên cứu, sửa đổi theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục để triển khai thực hiện Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 29/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ KH&CN.

**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở tồn tại, hạn chế nêu trên, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP như sau:

**1. Mục đích, quan điểm**

**1.1. Mục đích**

a) Tiếp tục hoàn thiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ.

b) Giải quyết các tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.

c) Tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp khi thực hiện các hoạt động CGCN và thực hiện quy định thủ tục hành chính.

d) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động CGCN.

**1.2. Quan điểm**

a)Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP phải bám sát các quan điểm, chỉ đạo, yêu cầu của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về việc đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ, thu hút CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam, đẩy mạnh hoạt động CGCN trong nước.

b) Bám sát các quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 giao Chính phủ quy định chi tiết để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp;

c) Kế thừa các quy định hiện hành của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP mà qua thực tiễn triển khai còn phù hợp, đồng thời giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và quy định của phát luật có liên quan.

**2. Đề xuất, kiến nghị**

Kiến nghị sửa đổi, bổ sung **17/37** Điều quy định chi tiết Luật Chuyển giao công nghệ trong tổng số **43** Điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; bổ sung 02 Điều, sửa đổi bổ sung 03 Phụ lục I, II, III (tương ứng 3 Danh mục công nghệ khuyến khích, hạn chế và cấm chuyển giao) và 03 Mẫu (số 01, 02, 10) tại Phụ lục IV của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

*2.1. Sửa đổi “Điều 5. Đăng ký CGCN” (chi tiết Điều 31 Luật CGCN)*

Nội dung sửa đổi theo hướng: (1) phải đăng ký sửa đổi, bổ sung CGCN đối với thỏa thuận CGCN được các bên ký kết trước ngày Luật Chuyển giao công nghệ có hiệu lực mà sau ngày Luật có hiệu lực, các bên sửa đổi, bổ sung thỏa thuận CGCN mà thỏa thuận này thuộc trường hợp phải đăng ký CGCN theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật CGCN; (2) bổ sung quy định thủ tục đăng ký CGCN theo quy định của Luật CGCN được thực hiện độc lập với thủ tục đăng ký chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ; (3) bổ sung quy định hướng dẫn rõ thỏa thuận CGCN như thế nào thì phải thực hiện đăng ký CGCN; (4) bổ sung quy định trường hợp phải chứng minh quyền sở hữu công nghệ khi đăng ký CGCN; (5) bổ sung quy định hướng dẫn thế nào hình thức CGCN thông qua thực hiện dự án đầu tư; (6) bổ sung quy định thời hạn CGCN không được quá thời hạn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với đối tượng công nghệ chuyển giao đã được cấp bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hoặc không được quá thời hạn hoạt động của dự án đầu tư sử dụng công nghệ chuyển giao; (7) bổ sung quy định việc đăng ký CGCN đối với hình thức tiếp nhận công nghệ thông qua mua bán, sáp nhập doanh nghiệp; (8) quy định việc đăng ký sửa đổi, bổ sung CGCN khi thay đổi thông tin Giấy chứng nhận đăng ký CGCN đã được cấp; (9) bổ sung quy định thời hạn tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đăng ký CGCN được sửa đổi, bổ sung hoàn theo theo đề nghị của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký CGCN; (10) bổ sung quy định nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; (11) bổ sung quy định trách nhiệm báo cáo khi thanh lý, kết thúc hợp đồng CGCN.

*2.2. Sửa “Điều 6. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký CGCN” (chi tiết Điều 31 Luật CGCN)*

Nội dung sửa đổi theo hướng:

- Sửa cụm từ “quyết định chủ trương” bằng cụm từ “quyết định đầu tư hoặc chấp thận chủ trương đầu tư” để phù hợp với quy định của Luật Đầu tư năm 2020.

**-** Bổ sung quy định thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký CGCN của Bộ Công anđối với CGCN thuộc trường hợp bí mật nhà nước phục vụ công tác công an hoặc CGCN thuộc trường hợp mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách đặc biệt cho lực lượng Công an nhân dân.

2.3. Sửa đổi tên và sửa đổi điểm a khoản 5 Điều 8 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ ***từ*** tổ chức khoa học và công nghệ: sửa tên Điều 8 thành “Điều 8. Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc địa bàn, lĩnh vực ưu đãi đầu tư thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ **với** tổ chức khoa học và công nghệ” để phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật CGCN. Theo đó, thay đổi hình thức thực hiện từ việc doanh nghiệp tiếp nhận kết quả nghiên cứu từ tổ chức khoa học và công nghệ sang hình thức doanh nghiệp thực hiện dự án với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện hoạt động CGCN.

2.4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về sử dụng quyền tài sản bảo đảm cho giao dịch vay vốn theo hướng bỏ quy định quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật khoa học và công nghệ, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công có thể xác định được giá trị là quyền tài sản vì quyền sử dụng các đối tượng sở hữu trí tuệ (SHTT) thường là các quyền hữu hạn và phải tuân thủ các điều kiện nhất định (chủ sở hữu quyền SHTT chỉ cho phép sử dụng đối tượng SHTT trong một khoảng thời gian nhất định với những điều kiện nhất định) và bất cứ lúc nào cũng có thể bị chấm dứt việc sử dụng đối tượng SHTT nếu bên được chuyển giao quyền sử dụng không tuân thủ các điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng. Đồng thời lãm rõ và thống nhất với Luật CGCN về đối tượng được nhận quyền tài sản gồm: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, tổ chức tín dụng được nhận quyền tài sản quy định để bảo đảm cho giao dịch vay vốn đầu tư cho các dự án KH&CN, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển sản xuất, kinh doanh từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2.5. Sửa đổi tên khoản 3 và bổ sung điểm đ vào khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về Khuyến khích hình thức hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, hoạt động nghiên cứu chung. Nội dung sửa đổi theo hướng: sửa tên khoản 3 Điều 12 để phù hợp quy định “Nhà nước khuyến khích các hình thức hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, hoạt động nghiên cứu chung” tại khoản 4 Điều 35 Luật CGCN. Theo đó, không giới hạn chỉ theo hình thức dự án mà còn có thể triển khai dưới các hình thức khác đối với hoạt động nghiên cứu chung. Bổ sung điểm đ vào khoản 3 Điều 12 nội dung “Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp theo Điều 28 của Nghị định này” Lý do: căn cứ quy định phát triển nguồn cung, nguồn cầu của thị trường khoa học và công nghệ tại Khoản 5 Điều 42 Luật CGCN thông qua các hoạt động “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp”. Theo đó, khi doanh nghiệp hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu chung cần phải đào tạo nâng cao năng lực của đội ngũ nghiên cứu công nghệ trong doanh nghiệp.

2.6. Sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 13 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ, tổ chức, cá nhân thực hiện việc giải mã công nghệ. Theo đó, sửa điểm d khoản 2 Điều 13 thành “Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp theo Điều 28 của Nghị định này.” để có cơ sở triển khai các hoạt động hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp cho các tổ chức, các nhân khi thực hiện việc giải mã công nghệ với các nội dung đào tạo đã được quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. Quy định này cũng phù hợp quy định tại điểm d khoản 5 Điều 35 Luật CGCN về việc: “Doanh nghiệp đầu tư cho cơ sở vật chất - kỹ thuật hoạt động giải mã công nghệ, tổ chức, cá nhân thực hiện việc giải mã công nghệ được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

2.7. Sửa đổi Điều 17 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tạo ra bằng ngân sách nhà nước. Nội dung sửa đổi theo hướng bố cục lại quy định nhóm đối tượng để thống nhất, phù hợp với Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi và bảo đảm lợi ích của chủ sở hữu, tác giả, tổ chức chủ trì, tổ chức trung gian, tổ chức, cá nhân.

2.8. Sửa đổi Điều 18 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu. Nội dung sửa đổi theo hướng bỏ quy định về thủ tục công nhận tại Điều 18 và áp dụng thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư theo quy định của Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (quy định này đã được triển khai áp dụng trong thực tiễn và đã có kết quả thực hiện).

2.9. Sửa đổi tên và nội dung Điều 19 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về hỗ trợ kinh phí đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư. Theo đó, Điều này chỉ quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục để thực hiện “hoạt động hỗ trợ kinh phí kết quả nghiên cứu”, không quy định hoạt động “mua kết quả nghiên cứu”.

2.10. Bổ sung Điều 19a vào sau Điều 19 của của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về mua sáng chế, sáng kiến, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển do tổ chức, cá nhân tự đầu tư. Nội dung tại Điều này quy định hướng dẫn chi tiết khoản 4 Điều 36 Luật CGCN để thực hiện quy định mua sáng chế, sáng kiến, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển do tổ chức, cá nhân tự đầu tư.

2.11. Sửa khoản 1 Điều 25 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về ưu tiên trong việc xác lập quyền sở hữu công nghiệp, công nhận, đăng ký lưu hành sản phẩm mới, công nghệ mới theo hướng bổ sung đối tượng “đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp” nhằm hỗ trợ cho các cho các tổ chức, cá nhân có kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để thành lập, phát triển doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được ghi nhận chuyển giao kịp thời các đối tượng sở hữu công nghiệp.

2.12. Sửa đổi khoản 1, khoản 4 và bổ sung khoản 4a, khoản 4b vào sau khoản 4 Điều 27 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về phát triển công nghệ tạo ra và hoàn thiện các sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực theo hướng sửa lại trích dẫn; sửa đối tượng “Tổ chức, cá nhân” tại khoản 4 Điều 27 thành “Doanh nghiệp, tổ chức” để đúng đối tượng được quy định tại khoản 4 Điều 40 Luật CGCN, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi của Điều 27 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. Đồng thời, bổ sung chính sách hỗ trợ đối với: tổ chức, cá nhân thực hiện việc hoàn thiện thiết kế, chế tạo máy móc, thiết bị do Việt Nam tạo ra được ưu tiên xem xét thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để cụ thể hóa quy định khoản 3 Điều 40 Luật CGCN; tổ chức, cá nhân phát triển công nghệ tạo ra và hoàn thiện các sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực được đánh giá, lựa chọn, công bố công nghệ tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để cụ thể hóa quy định khoản 4 Điều 40 Luật CGCN.

2.13. Sửa đổi khoản 4 Điều 28 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp theo hướng bổ sung nguồn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia để có thêm nguồn kinh phí hỗ trợ, đồng thời vẫn phù hợp với nội dung chi của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tại điểm d khoản 1 Điều 38 Luật CGCN.

2.14. Sửa đổi khoản 5 Điều 29 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về Đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo hướng bổ sung nguồn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia để có thêm nguồn kinh phí hỗ trợ, đồng thời vẫn phù hợp với nội dung chi của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tại điểm d khoản 1 Điều 38 Luật CGCN.

2.15. Sửa đổi khoản 1 và 2 Điều 30 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ theo hướng rà soát lại đối tượng hỗ trợ và bổ sung các tiêu chí để được hỗ trợ nhằm tăng năng lực kết nối, hướng tới giao dịch thành công phục vụ mục đích nâng cao năng lực của tổ chức trung gian.

2.16. Bổ sung Điều 30a vào sau Điều 30 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật của sàn giao dịch công nghệ quốc gia, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ quốc gia nhằm chi tiết quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 Luật CGCN nhưng chưa được quy định chi tiết trong Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. Qua đó có đầy đủ hành lang pháp lý cho việc thực hiện hỗ trợ và thúc đẩy phát triển sàn giao dịch công nghệ quốc gia, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ quốc gia.

2.17. Sửa điểm a khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 34 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về trình tự cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ theo hưởng bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến, quy định rõ trình tự thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.

2.18. Sửa điểm b khoản 1 Điều 35 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ theo hướng bỏ quy định cung cấp bản sao chứng thực đối với giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đồng thời chỉ yêu cầu bản sao, bỏ quy định yêu cầu bản sao chứng thực quyết định thành lập đối với tổ chức khoa học và công nghệ.

2.19. Sửa điểm b khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ theo hướng bỏ quy định cung cấp bản sao chứng thực đối với giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đồng thời chỉ yêu cầu bản sao, bỏ quy định yêu cầu bản sao chứng thực quyết định thành lập đối với tổ chức khoa học và công nghệ.

2.20. Sửa đổi, bổ sung 03 Phụ lục I, II, III (tương ứng 3 Danh mục công nghệ khuyến khích, hạn chế và cấm chuyển giao) và 03 Mẫu (số 01, 02, 10) tại Phụ lục IV của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP

- Sửa đổi, bổ sung 03 Phụ lục I, II, III (tương ứng 3 Danh mục công nghệ khuyến khích, hạn chế và cấm chuyển giao) của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP theo hướng: (1) cập nhật hoặc đưa ra khỏi danh mục những công nghệ trong 03 danh mục công nghệ khuyến khích, hạn chế và cấm chuyển giao; (2) quy định cụ thể hơn tên đối với một số công nghệ trong 03 danh mục; (3) phân nhóm các công nghệ tương ứng với từng ngành, lĩnh vực kinh tế.

- Sửa Mẫu số 01 Đơn đăng ký CGCN của Phụ lục IV theo phương án thực thi nêu tại Tờ trình số 1736/TTr-BKHCN ngày 24/5/2024 của Bộ KH&CN trình TTgCP về bổ sung hồ sơ Phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ KH&CN. Bổ sung hồ sơ hợp pháp hóa lãnh sự giấy xác nhận tư cách pháp lý, chữ ký của bên giao công nghệ ở nước ngoài.

- Sửa Mẫu số 02 Giấy chứng nhận đăng ký CGCN của Phụ lục IV theo hướng thuận lợi cho việc soạn thảo các nội dung trong Giấy chứng nhận.

- Sửa Mẫu số 10 Báo cáo tình hình đăng ký CGCN của Phụ lục IV theo hướng thuận lợi thống kê, đồng thời bổ sung thông tin về CGCN đối với doanh nghiệp có vốn FDI, chuyển giao quyền đối với đối tượng công nghệ đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

2.21. Bãi bỏ Điều 20 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP về thủ tục, thẩm quyền hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do nội dung đã được quy định tại các Điều 18, 19 và 19a.

Trên đây là nội dung báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 18/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ./.

 **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. - Tỉnh Nghệ An, trong giai đoạn từ năm 2018 - 2023 trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã tiến hành hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp thực hiện 08 nhiệm vụ KH&CN thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư để tiếp nhận chuyển giao và hoàn thiện các quy trình công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ với tổng kinh phí hơn 15 tỷ đồng, giúp các doanh nghiệp tiếp nhận và hoàn thiện các công nghệ sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh như công nghệ sản xuất giống mía 3 cấp của công ty mía đường NaSu; công nghệ chế biến sản phẩm cao, trà hòa tan từ cây dược liệu của Công ty dược liệu Pu Mát; công nghệ chế biến một số sản phẩm bảo vệ sức khỏe từ mầm cây lúa mì; công nghệ sản xuất sinh khối tảo Nannochloropsis oculata quy mô hàng hóa; công nghệ sản xuất lồng nuôi cá bằng vật liệu nhựa HDPE nhằm thay thế sản phẩm lồng nuôi cá truyền thống… Trong giai đoạn từ năm 2018 – 2023 đã hỗ trợ 12 doanh nghiệp với tổng số tiền 7.216.000.000 đồng. Chương trình khuyến công Quốc gia với số lượng 06 dự án (cho 06 doanh nghiệp) với tổng kinh phí được hỗ trợ là 2,4 tỷ đồng; Chương trình khuyến công địa phương với số lượng 68 dự án (cho 68 doanh nghiệp) với tổng kinh phí được hỗ trợ là 10,225 tỷ đồng.

- Tỉnh Bình Thuận, Ngân sách nhà nước chi cho các nhiệm vụ khoa học công nghệ để thực hiện các dự án nghiên cứu, hoàn thiện, phát triển đổi mới công nghệ; Các dự án hỗ trợ CGCN, thương mại hóa kết quả nghiên cứu; Các đề tài hỗ trợ phát triển công nghệ cao, công nghệ xanh phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương, sản phẩm công nghiệp địa phương, sản phẩm OCOP giai đoạn 2018-2022 là 16.996 triệu đồng. Bên cạnh đó, kinh phí đối ứng của các đơn vị tham gia là 35.999 triệu đồng (Tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KHCN tại tỉnh năm 2018-2022 là 52.995 triệu đồng). Đã triển khai thực hiện 65 nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp. Trong đó: 04 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, 37 nhiệm vụ cấp tỉnh và 25 nhiệm vụ cấp cơ sở (do các huyện quản lý), trong đó có 13 nhiệm vụ liên quan đến phát triển thị trường KHCN.

- Đối với tỉnh Đồng Tháp, trong giai đoạn từ năm 2021 đến nay tháng 4/2024, Sở KH&CN triển khai hỗ trợ kinh phí đối với doanh nghiệp thông qua thực hiện nhiệm vụ KH&CN tổng cộng 12 nhiệm vụ (01 nhiệm vụ cấp quốc gia, 10 nhiệm vụ cấp tỉnh và 01 nhiệm vụ cấp cơ sở), với tổng kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ của địa phương khoảng 7,3 tỉ đồng. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tổng hợp nhu cầu tư vấn, kết nối ứng dụng, CGCN của các tổ chức, cá nhân trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở tổng hợp, đã có trên 250 nhu cầu được rà soát, cung cấp thông tin và chuyên gia để giải quyết các vấn đề về công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đáp ứng nhu cầu ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; (2) Tổ chức trên 100 lượt tư vấn trực tiếp, đáp ứng nhu cầu ứng dụng, đổi mới công nghệ của tổ chức, cá nhân trên địa bàn cả nước’; (3) Hỗ trợ 10 vườn ươm và 10 doanh nghiệp khởi nghiệp để nâng cao năng lực ươm tạo và nghiên cứu ứng dụng trong doanh nghiệp trong khuôn khổ triển khai “Dự án Hỗ trợ xây dựng chính sách đổi mới và phát triển các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp (BIPP)” [↑](#footnote-ref-2)
3. Một số kết quả cụ thể như: tỉnh Phú Yên thông qua thực nhiện nhiệm vụ KH&CN, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã ứng dụng hiệu quả công nghệ và thiết bị này trong sản xuất chế biến 04 loại thuỷ sản cấp đông (cá ngừ đại dương, tôm thẻ chân trắng, mực ống và hàu) xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Châu Âu. Tiếp nhận và chuyển giao các thiết bị này cho các doanh nghiệp để xây dựng được các mô hình điểm áp dụng thành công công nghệ bảo quản thực phẩm sau thu hoạch, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả hoạt động. Hay đối với Tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2018 đến nay đã đẩy mạnh khuyến khích trên 30 doanh nghiệp trong tỉnh tham gia thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ. Tỉnh Thanh Hóa đến năm 2024 đã có 32 doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong đó có 01 chi nhánh doanh nghiệp KH&CN, tiếp tục là tỉnh đứng thứ 3 toàn quốc về số lượng doanh nghiệp KH&CN, sau TP Hà nội và Tp Hồ Chí Minh,… [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo đó, có 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành kế hoạch triển khai Đề án 844 và sắp xếp nguồn lực triển khai tại địa phương; có 39 tỉnh/thành phố đã ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố quy định cơ chế tài chính cho hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Về hạ tầng, hiện nay Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST quốc gia đã và đang thành lập một số địa điểm tại Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh, hơn 20 địa phương đã hoặc đang xây dựng đề án thành lập Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo như Bà Rịa – Vũng Tàu, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hải phòng, Bình Dương,... để kết nối các nguồn lực địa phương, vùng phục vụ phát triển KH&CN, hoạt động nghiên cứu chung nói chung và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo nói riêng. Hơn 170 trường Đại học, Cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã và đang có những hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hơn 200 không gian làm việc chung được hình thành và phát triển và hơn 200 quỹ đầu tư mạo hiểm đang hoạt động tại Việt nam. [↑](#footnote-ref-4)
5. Ví dụ: công nghệ khí canh, công nghệ vi sinh, Công nghệ sản xuất phân viên nén nhả chậm, công nghệ bảo quản, chế biến cam, nhãn lồng cho Nghệ An, Bắc Giang, Tuyên Quang, Hưng Yên,… [↑](#footnote-ref-5)
6. Về kết quả hoạt động dịch vụ tư vấn, ứng dụng, CGCN: giai đoạn 2017 đến nay, số lượng hợp đồng tư vấn, CGCN do các Trung tâm thực hiện là 14.097 hợp đồng; Tổng giá trị hợp đồng tư vấn, CGCN 290 tỷ đồng; các hợp đồng tư vấn, CGCN diễn ra ở các lĩnh vực chủ yếu: Nông nghiệp, công nghệ thông tin, xử lý môi trường, an toàn bức xạ, năng lượng, kiểm nghiệm.

Về kết quả hoạt động nghiên cứu ứng dụng: giai đoạn 2017-2022 có 750 nhiệm vụ KH&CN các cấp được các Trung tâm đã và đang thực hiện trong các lĩnh vực chủ yếu sau: Nông nghiệp, an toàn bức xạ, năng lượng, công nghệ sinh học, công nghệ thực phẩm, công nghệ thông tin, xử lý môi trường, vật liệu xây dựng, sở hữu trí tuệ, chăn nuôi, trồng trọt, điều khiển tự động, y dược... Tổng số kinh phí đề tài, dự án được phê duyệt là hơn 823 (tỷ đồng). Trong giai đoạn 2017 - 2020 các Trung tâm đã làm chủ được 320 công nghệ, trong đó tập trung ở một số lĩnh vực: công nghệ sinh học; công nghệ thực phẩm; công nghệ thông tin; xử lý môi trường; nông nghiệp; tiết kiệm năng lượng; y dược; công nghiệp; vật liệu; xây dựng. [↑](#footnote-ref-6)
7. gồm: Dữ liệu về nhu cầu đổi mới công nghệ, nhu cầu tư vấn cải tiến kỹ thuật, nhu cầu liên doanh liên kết dựa trên công nghệ...; dữ liệu các công nghệ sẵn sàng chuyển giao trong và ngoài nước; dữ liệu về chuyên gia tư vấn công nghệ; dữ liệu doanh nghiệp sản xuất trong các lĩnh vực. Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu cung cầu công nghệ đang tiếp tục được nâng cấp; hoàn chỉnh các chức năng thống kê theo địa phương, ngành lĩnh vực đối với doanh nghiệp, nguồn cung, nhu cầu công nghệ, chức năng up nhiều ảnh và video giới thiệu công nghệ; hoàn chỉnh chức năng cập nhật cơ sở dữ liệu tự động. Thống nhất quản lý dữ liệu theo doanh nghiệp (theo mã số thuế) và theo Viện, trường (mã định danh) đối với nguồn cung công nghệ và nhu cầu công nghệ. Hiện nay, đã hoàn thiện việc nâng cấp giao diện website, giao diện phần mềm, giao diện tìm kiếm thông tin công nghệ trên website. [↑](#footnote-ref-7)
8. Qua các dự án này, 14 công nghệ được hỗ trợ hoàn thiện, ứng dụng và chuyển giao cho các tổ chức, doanh nghiệp. Trong đó, có 03 công nghệ trong lĩnh vực cơ điện tử; 06 công nghệ trong lĩnh vực sau thu hoạch; 03 công nghệ trong lĩnh vực nano; 01 công nghệ trong lĩnh vực thuỷ sản; 01 công nghệ trong lĩnh vực dược liệu. Qua các hoạt động được triển khai cũng đã hỗ trợ 03 đơn đăng ký giải pháp hữu ích được chấp nhận đơn và tổ chức 03 lớp lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và CGCN tại các đơn vị ứng dụng. [↑](#footnote-ref-8)
9. Tính đến hết năm 2022, cả nước có hơn 800 tổ chức trung gian của thị trường KH&CN, hoạt động phát triển tổ chức trung gian của thị trường KH&CN tại các địa phương trong giai đoạn này đã có bước đầu phát triển. Đã hình thành được hệ thống các đầu mối về trung tâm xúc tiến CGCN, trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại 63 tỉnh, thành phố. Tính đến năm 2023, cả nước có 23 sàn giao dịch công nghệ, bao gồm: 22 sàn giao dịch công nghệ tại các địa phương (TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Thái Bình, Cần Thơ, Bắc Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Định, Hưng Yên, Đồng Nai, Hải Dương, Huế, Tây Ninh, Quảng Nam, Hà Tĩnh, Nam Định, Ninh Bình, Vĩnh Phúc, Bình Phước, An Giang); 01 sàn giao dịch công nghệ Vùng Duyên hải Bắc Bộ tại Hải Phòng kết nối 05 sàn giao dịch trong khu vực gồm Quảng Ninh, Hải Phòng Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình (đến 2022 đã kết nối thêm 03 thành viên). [↑](#footnote-ref-9)
10. Tổng hợp báo cáo từ các Điểm kết nối cung cầu công nghệ, năm 2023: đã tiếp nhận khoảng 200 nhu cầu công nghệ của các doanh nghiệp; tìm kiếm và cung cấp thông tin khoảng 170 nguồn cung công nghệ trong và ngoài nước; tổ chức hơn 200 cuộc kết nối bao gồm cả trực tiếp và trực tuyến, ký kết 20 biên bản, thỏa thuận hợp tác; hơn 300 công nghệ, sản phẩm công nghệ được trình diễn và giới thiệu tại các Điểm kết nối hoặc được các Điểm kết nối mang đi giới thiệu tại các sự kiện như Techdemo, Techconnect, Techfest, Techmart,.. [↑](#footnote-ref-10)